

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-PT  
Ngày: 03-5-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Ngẫu.

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

*Bị cáo có kháng cáo*

**H và tên:** **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1973 tại Campuchia; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1930 (đã chết) và bà **Trần Thị L**, sinh năm 1932 (đã chết); vợ: **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1971 (đã ly hôn); con: có và 01 người, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-5-2023 đến ngày 15-8-2023, được trả tự do thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Ngoài ra, còn có 05 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 18-5-2023, Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh phối hợp cùng Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Châu Văn T đang có hành vi bán số đề tại nhà thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cùng thời điểm trên, Công an huyện T cũng phối hợp cùng Công an xã T kiểm tra nhà Phạm Thị T1, sinh năm 1986 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hiện Trần Thị P đang bán số đề cho Phạm Thị T1 và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988 (ngụ cùng ấp với T1), đồng thời P đang giao số đề qua tin nhắn điện thoại cho Nguyễn Văn S.

Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T làm việc với Nguyễn Thị Ngọc L1 (là con ruột của Nguyễn Văn S), L1 khai nhận được Sên giao điện thoại nhận phôi đề giúp S và giao nộp điện thoại di động có chứa tin nhắn thể hiện hoạt động mua bán số đề. Đến 20 giờ cùng ngày, lực lượng chức năng tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với S.

Qua điều tra đã xác định được:

1. Đối với Nguyễn Văn S:

Sên thực hiện hành vi bán số đề trên địa bàn huyện T từ tháng 02-2023 cho đến khi bị bắt. Hằng ngày, S sử dụng số điện thoại 0326.444.940 để tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua bán số đề ở các đài M, M, M. Ngoài việc trực tiếp bán số đề cho người khác, S còn nhận số đề do Trần Thị L2 và Trần Thị P giao lại rồi tập hợp phôi đề, tính số tiền thắng thua để giao cho L2, P chung chỉ cho người mua đề vào ngày hôm sau. Khi bán đề trực tiếp cho người mua đề thì S tính như sau: người mua đề 17, 18 lô tính tiền 12,6 lô; mua đề 07 lô tính tiền 05 lô; mua số xiù chủ, số đầu, số đuôi đối với đài M và Miền T3 thì tính 70%, đối với đài M1 thì tính 72%. Khi nhận phôi đề, S tính 70% số tiền trên phôi đề do L2 giao; khi P giao phôi đề thì S tính tỷ lệ với P như tỷ lệ mà S trực tiếp bán đề cho người mua đề.

Vào ngày 18-5-2023, S giao điện thoại di động có gắn sim số 0326.444.940 cho con gái ruột là Nguyễn Thị Ngọc L1 để nhận tin nhắn số đề từ tay em và người mua đề ở các đài như sau:

- Đài M gồm các tỉnh Tây Ninh, An Giang và Bình Thuận:
- + Trần Thị L2 giao phôi đề với số tiền 8.165.000 đồng, số tiền trúng 1.750.000 đồng.
- + Trần Thị P giao phôi đề với số tiền 8.160.000 đồng, số tiền trúng là 2.800.000 đồng.
- + Huỳnh Thị C, sinh năm 1971; ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trực tiếp mua số đề của Sên với số tiền 3.313.000 đồng, số tiền trúng là 700.000 đồng.

- **Đài M** gồm các tỉnh Bình Định, Quảng Trị, Quảng Bình: Sên nhận tin nhắn giao đề từ **L2** với số tiền là 1.620.000 đồng, do các bị cáo bị bắt trước giờ xổ số nên không tính tiền trúng số đề.

- **M1**: sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Tây Ninh thu giữ điện thoại di động mà **S** sử dụng thực hiện hành vi bán số đề và nhận phôi đề, thì có 09 tin nhắn mua đề của **Trần Thị L2** (07 tin nhắn) và **Nguyễn Thị Thảo T4**, sinh năm 1986; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (02 tin nhắn) gửi đến nên không tiến hành cộng số.

Như vậy, trong ngày 18-5-2023, tổng số tiền **S** trực tiếp bán số đề cho người mua đề và số tiền người mua đề trúng số đề (số tiền **S** trực tiếp đánh bạc với người mua đề) là 4.013.000 đồng; tổng số tiền **S** nhận phôi đề đối với đài **Miền N1** do **L2** và **P** giao là 20.875.000 đồng (gồm 16.325.000 đồng tiền ghi trên phôi đề và số tiền trúng số đề là 4.550.000 đồng); nhận phôi đề đối với đài **Miền T3** là 1.620.000 đồng.

2. Đối với **Nguyễn Thị Ngọc L1**: vào ngày 18-5-2023 do **S** bận công việc nên giao lại điện thoại di động có gắn sim số 0326.444.940 cho **L1** để **L1** nhận tin nhắn số đề từ tay em và người mua đề ở các đài như trên.

3. Đối với **Trần Thị L2** trực tiếp bán số đề cho nhiều người, sau đó giao lại cho **S** để hưởng tiền chênh lệch. Hằng ngày, **L2** sử dụng số điện thoại 0867.449.485 bán số đề cho người mua trên địa bàn **huyện T**. Khi bán thì **L2** tính 13/18 lô với người mua, khi giao số đề cho **S** thì **S** tính 70% trên tổng số tiền trên phôi. Vào ngày 18-5-2023, **L2** đã giao số đề thể hiện trên tin nhắn cho **S** với số tiền 8.165.000 đồng (trong đó **L2** tự mua 1.740.000 đồng), số tiền trúng 1.750.000 đồng, tổng số tiền là 9.915.000 đồng (**đài M**), cụ thể bán cho những người có tên và địa chỉ như sau:

- Bán cho **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1975; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** với số tiền trên tin nhắn là 810.000 đồng, số tiền trúng là 1.050.000 đồng (**đài M**); tổng số tiền đánh bạc là 1.860.000 đồng; **L2** tính 13/18 lô với bà **T5**, nên số tiền đề thực tế là 585.000 đồng, **L2** giao cho **S** tính 70% số tiền trên tin nhắn là 567.000 đồng;

- Bán cho **Mai Thị Thảo E**, sinh năm 1968; ngụ khu phố 6, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ **Đài Miền Nam**: số tiền đề trên tin nhắn là 5.615.000 đồng, số tiền trúng là 700.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc là 6.315.000 đồng; **L2** tính 71% với **Thảo E**, nên số tiền đề thực tế là 3.986.650 đồng, **L2** giao cho **S** tính 70% số tiền trên tin nhắn là 3.930.000 đồng;

+ **Đài M**: số tiền đề trên tin nhắn là 1.620.000 đồng, số tiền trúng là 1.470.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc là 3.090.000 đồng; **L2** tính 71% với **Thảo E**, nên số tiền đề thực tế là 1.150.200 đồng và **L2** gửi tin nhắn giao đề cho **S** sau khi **S** bị bắt nên không tiến hành cộng số;

+ **Đài M**: nhận 07 tin nhắn với số tiền đề là 972.000 đồng, tuy nhiên thời điểm nhận tin nhắn thì **L2** đã bị thu giữ điện thoại, nên không tính tiền hành cộng số.

4. Đối với **Trần Thị P** trực tiếp bán số đề cho nhiều người, sau đó giao lại cho **S** để hưởng tiền chênh lệch. Hằng ngày, **P** sử dụng số điện thoại 0366.937558 và 0332.046.948 bán số đề cho người mua. Khi bán thì **P** tính 05/07 lô, 13/17 lô, 13/18 lô; số đầu, số đuôi, xỉu chủ thì tính 70% trên tổng số tiền mua; khi giao số đề cho **S** thì **S** tính 05/07 lô, 12.6/17 lô, 12.6/18 lô; số đầu, số đuôi, xỉu chủ là 70% trên tổng số tiền mua. Vào ngày 18-5-2023, **P** bán số cho nhiều người và giao đề cho **S** thể hiện trên tin nhắn số tiền là 8.160.000 đồng, tiền trúng là 2.800.000 đồng, tổng số tiền là 10.960.000 đồng, cụ thể bán cho những người có tên và địa chỉ như sau:

- Bán cho **Phạm Thị T1**, sinh năm 1986; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (**đài M**) với số tiền 1.260.000 đồng, không có số trúng; **P** tính 13/18 lô nên số tiền thực tế là 910.000 đồng, giao lại cho **S** tính 12,6/18 lô;

- Bán cho **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1988; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (**đài M**) với số tiền 360.000 đồng, không có số trúng; **P** tính 13/18 lô nên số tiền thực tế là 260.000 đồng, giao lại cho **S** tính 12,6/18 lô;

- Bán cho người đàn ông tên **L3** (không xác định được nhân thân, lý lịch) với số tiền là 360.000 đồng; **P** tính 13/18 lô nên số tiền thực tế là 260.000 đồng, giao lại cho **S** tính 12,6/18 lô;

Trong các tin nhắn giao đề cho **S** còn có số tiền **P** tự mua đề là 6.180.000 đồng, trúng 2.800.000 đồng; tổng số tiền **P** tự mua và trúng đề là 8.980.000 đồng.

Ngoài ra, **P** có nhận số đề của **Châu Văn T** (**đài M**) giao với số tiền là 425.000 đồng, không có số trúng và **P** chưa kịp giao lại cho **S** thì bị bắt; **P** tính 12,6/17 lô, số xỉu chủ tính 75% số tiền trên phơi nên số tiền thực tế là 312.000 đồng.

5. Đối với **Châu Văn T** trực tiếp bán số đề các đài **M, Miền T3** và **Miền B** tại nhà và thông qua tin nhắn điện thoại di động số 0909.082.210; 0908.189.608, tin nhắn **Z** “**Châu Văn T**” cho người mua trên địa bàn **xã T, huyện T**. Hằng ngày, sau khi bán số đề cho người mua, đối với những số mua với số tiền lớn thì **T** giao lại cho **Trần Thị P**, số còn lại thì **T** trực tiếp tính tiền thắng thua và chung chi cho người mua vào ngày hôm sau. Vào ngày 18-5-2023, **T** bán số đề ở **đài M (Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận)** với tổng số tiền trên phơi và tin nhắn điện thoại là 7.973.000 đồng, tiền trúng là 12.090.000 đồng, tổng số tiền là 20.063.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bán cho **Tô Hoàng P1** với số tiền 3.210.000 đồng, số tiền trúng là 8.240.000 đồng; tổng số tiền là 11.450.000 đồng;

- Bán cho **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1991; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** với số tiền là 1.325.000 đồng, số tiền trúng là 1.400.000 đồng;

- Bán cho **Phạm Thị Đ1**, sinh năm 1973; ngụ **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** với số tiền là 1.084.000 đồng, số tiền trúng là 350.000 đồng; tổng số tiền là 1.434.000 đồng;

- Bán cho Huỳnh Tú L4, sinh năm 1976; ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 270.000 đồng, số tiền trúng là 700.000 đồng; tổng số tiền là 970.000 đồng;

- Bán cho Phạm Văn T6 sinh năm 1985 ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 1.080.000 đồng, số tiền trúng là 1.400.000 đồng; tổng số tiền là 2.480.000 đồng;

- Bán cho Phạm Thị S1, sinh năm 1981; ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 104.000 đồng, không có số trúng;

- Bán cho người tên K ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 90.000 đồng, không có số trúng.

Ngoài ra, T còn bán số đề với số tiền 385.000 đồng nhưng không nhớ người mua là ai và giao số đề cho P với số tiền 425.000 đồng, không có số trúng.

6. Đối với Tô Hoàng P1 mua số đề của Châu Văn T ở đài M với số tiền 3.210.000 đồng, số tiền trúng là 8.240.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của P1 là 11.450.000 đồng; số tiền thực tế T tính với P1 là 13/18 lô là 1.742.000 đồng.

\* Kết luận giám định số: 1306/KL-KTHS ngày 22-8-2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, sơn màu trắng đen đỏ, số khung: RLCUG0610HY394055, số máy: G3D4E-413173, có số khung và số máy không bị đục sửa.

\* Kết quả kê biên tài sản:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã kê biên tài sản của bị cáo Tô Hoàng P1 là quyền sử dụng đất diện tích 6.028m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo Lệnh kê biên tài sản số 07/L-CQĐT ngày 12 tháng 7 năm 2023).

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Ngọc L1, Trần Thị L2, Trần Thị P và Châu Văn T, qua xác minh không có tài sản có giá trị nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-5-2023 đến ngày 15-8-2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L1 về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Châu Văn T, Trần Thị L2, Trần Thị P và Tô Hoàng P1 về tội “Đánh bạc”; quyết định về xử lý vật chứng, án phí, ..... và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-02-2024, bị cáo **Nguyễn Văn S** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

**Tại phiên toà:**

- Bị cáo **Nguyễn Văn S** trình bày ý kiến, giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm: cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Văn S** về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hình phạt 01 năm tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **S** là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo **S** nộp số tiền 5.450.000 đồng (gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và số tiền đánh bạc phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước 5.250.000 đồng), đây là nghĩa vụ bị cáo phải nộp, không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo, không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Văn S** không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo **S** xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hoà nhập cộng đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo **S** lập ngày 19-02-2024 còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thực hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo **S** thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án; do đó, đã có đủ cơ sở xác định từ khoảng tháng 02-2023 cho đến khi bị bắt, do muốn thu lợi bất chính nên **S** tổ chức đánh bạc bằng hình thức bán số đề và nhận phôi đề của **Trần Thị L2** và **Trần Thị P** bán số đề cho người mua đề giao lại để hưởng huê hồng. Vào ngày 18-5-2023, **S** giao điện thoại di động có gắn sim số 0326.444.940 cho con gái ruột là **Nguyễn Thị Ngọc L1** để nhận tin nhắn giao phôi đề của **L2** và **P** giao. Trong đó, **L2** giao cho **S** phôi đề (đài **M**) với số tiền 8.165.000 đồng, số tiền trúng số đề là 1.750.000 đồng; **P** giao cho **S** phôi đề (đài **M**) với số tiền 8.160.000 đồng, số tiền trúng số đề là 2.800.000 đồng và phôi đề (đài **Miền T3**) với số tiền 1.620.000 đồng, không có người trúng số đề. Tổng số tiền **S** nhận phôi đề đối với đài **Miền N1** do **L2** và **P** giao là 20.875.000 đồng (gồm 16.325.000 đồng tiền ghi trên phôi đề và số tiền trúng số đề là 4.550.000 đồng); nhận phôi đề đối với đài **Miền T3** là 1.620.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **S** về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ngoài hành vi nhận phôi đề của **Trần Thị L2** và **Trần Thị P** giao, **S** còn trực tiếp bán số đề cho người mua đề là **Huỳnh Thị C** nhiều con số đề với tổng số tiền mua đề là 3.313.000 đồng, số tiền **C** trúng số đề là 700.000 đồng, do đó tổng số tiền **S** đánh bạc với **Huỳnh Thị C** là 4.013.000 đồng, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc, nên phải bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cấp sơ thẩm cộng tổng số tiền 4.013.000 đồng của **S** đánh bạc với **C** vào tổng số tiền bán số đề của **L2** và **P** giao lại cho **S** để xử bị cáo **S** về tội “Tổ chức đánh bạc” đối với số tiền này là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[4] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi tổ chức cho người khác bán số đề nhằm thu lợi bất chính là hành vi vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng vì muốn có thu nhập bất hợp pháp để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo **S** vẫn cố tình thực hiện, do đó cần phải có hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo **S** là chủ đề, trực tiếp tổ chức và nhận phôi đề của 02 người bán số đề giao, là người giữ vai trò chính; khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới lần đầu phạm tội; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hồi cải hành vi phạm tội của mình xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 (một) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp số tiền 5.450.000 đồng (gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và số tiền đánh bạc phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước 5.250.000 đồng) theo quyết định của bản án sơ thẩm, Điều này thể hiện sự ăn năn hối cải thật sự của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo **S**.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S**; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo **S** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Bị cáo **S** đã nộp số tiền 5.450.000 đồng (gồm số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và số tiền đánh bạc 5.250.000 đồng) theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại Biên lai thu số 0002314 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử ghi nhận. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S**;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**1.** Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S 09 (chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-5-2023 đến ngày 15-8-2023.

**2.** Ghi nhận bị cáo **Nguyễn Văn S** đã nộp số tiền 5.450.000 đồng (gồm số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và số tiền đánh bạc 5.250.000 đồng) theo quyết

định của bản án sơ thẩm, tại Biên lai thu số 0002314 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Nguyễn Văn S** không phải chịu.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- Phòng KTNV.TA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên, Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên; Tây Ninh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch - Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Ngẫu**